TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11 /2022/ DS -ST
Ngày: 24/6/2022.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: *Ông Quách Mạnh Thành***.**

Các hội thẩm nhân dân: *Bà Nguyễn Nhật Hương*

Bà Nguyễn Anh Thư

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: *Bà Đặng Thị Thanh Hoa*- Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hoàng Mai: *Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh*- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 78/2021/TLST- DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXX - KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đ- ơng sự:

*** Nguyên đơn*:*** Ngân hàng TMCP V (V)
Trụ sở: Số 89 L- phường L- quận Đống Đa- Hà Nội.
Đại diện theo pháp luật: Ông NCD- Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị V
Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A- Chức danh Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp láy Theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐUQ ngày 07/7/2020 của ông NCD.

Đại diện ủy quyền lại: Ông Vương Văn Th, ông Lê Phúc L- chuyên viên xử lý nợ. Theo văn bản ủy quyền số 1850/2021/UQ-HĐUQ ngày 20/7/2021 của ông Phạm Tuấn A.

*** Bị đơn: - Bà Nguyễn Thị Ng -** sinh năm: 1981.

HKTT: Sở Thượng, tổ 19 Y, Hoàng Mai, Hà Nội.

- Ông Nguyễn Trí T- sinh năm 1981

HKTT: Số 13 ngõ ĐX, phường PH, quận Hai Bà Trưng Hà Nội.

Cùng ở tại địa chỉ: Số 81 ngõ 192 TT, phường Y, Hoàng Mai, Hà Nội

Đại diện ủy quyền của ông T là bà Nguyễn Thị Ng (theo giấy ủy quyền tại Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai ngày 20/4/2022)

(Tại phiên tòa, Có mặt đại diện ủy quyền lại của ngân hàng (V) là ông Lê Phú L, có mặt bà Nguyễn Thị Ng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/06/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện ủy quyền lại của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V) là ông Lê Phú L trình bày: Bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T (sau đây gọi tắt là Bên vay) đã vay vốn tại Ngân hàng V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo 07 hợp đồng tín dụng như sau:

- ***Hợp đồng tín dụng số 3814688 ký ngày 10/07/2014 và khế ước nhận nợ(Lần: 01/Số : 3814688) ký ngày 10/7/2015) cụ thể***

- Số tiền vay: 1100.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm triệu đồng)*
- Thời hạn vay: 120 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;
- Mục đích vay vốn: vay tiêu dùng mua sắm nội thất, thiết bị gia đình
- Lãi suất cho vay:

  + lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 7,99%/năm, được cố đinh trong vòng 06 tháng, Sau đó mức lãi 03 tháng/01 lần,vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, nay điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/01/2016, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/04/2016, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của Bên Ngân hàng

tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4%/năm;

+ Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn;

- ***Hợp đồng tín dụng số 4808212 ký ngày 09/10/2015 và (Lần 01/Số : 4808212 ký ngày 09/10/2015) cụ thể:***

- Số tiền vay: 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)*
- Thời hạn vay: 120 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;
- Mục đích vay vốn: vay tiêu dùng mua sắm nội thất, thiết bị gia đình
- Lãi suất cho vay:

+ lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 7,99%/năm, được cố đinh trong vòng 06 tháng, Sau đó mức lãi 03 tháng/01 lần,vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, nay điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 09/04/2016, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/07/2016, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4%/năm;

+ Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn;

- ***Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6685985 ngày 18/03/2016:***

- Số tiền vay: 80.000.000 đồng *(Tám mươi triệu đồng)*
- Thời hạn vay: 36 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;
- Mục đích vay vốn: vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình
- Lãi suất cho vay:

+ lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 20%/năm, được cố đinh trong vòng 06 tháng, Sau đó mức lãi 03 tháng/01 lần,vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, nay điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/07/2016, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn tương ứng với kỳ hạn khoản vay của Bên vay mà VPBanrk đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên

độ 12%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của Vbank xác định từng thời kỳ.

+ Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn;

- ***Hợp đồng tín dụng số 10132723 ngày 10/11/2016 và khế ước nhận nợ (Lần 01/Số: 10132723) ký ngày 10/11/2016:***

- Số tiền vay: 80.000.000 đồng *(Tám mươi triệu đồng)*
- Thời hạn vay: 48 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;
- Mục đích vay vốn: vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình
- Lãi suất cho vay:

+ lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 10,5%/năm, được cố đinh trong vòng 03 tháng, Sau đó mức lãi 03 tháng/01 lần,vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, nay điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/02/2017, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/04/2017 mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 6%/năm;

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn;

- ***Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế(Dành cho khách hàng cá nhân) ký ngày 23/01/2016(hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-4381330):***

- Số tiền vay: 80.000.000 đồng *(Tám mươi triệu đồng)*
- Loại thẻ: V Mastercard Platium

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn;

- ***Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở &sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ nghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số VPBS/VN0010324/20171/00391 ký***

ngày 30/12/2016:

- Số tiền vay: 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*
- Thời hạn vay : 12 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên
- Mục đích vay vốn: vay mua săm đồ gia dụng
- Lãi suất cho vay:

  + lãi suất trong hạn: 35%/ năm

  Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn;

-

- ***Giấy đăng ký kiêm hợp đồng vay không TSĐB, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010115/20171/11/23/29 ký ngày 23/11/2017.***

- Số tiền vay: 156.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi sáu triệu đồng)*
- Thời hạn vay: 48 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;
- Mục đích vay vốn: vay tiêu dùng
- Lãi suất cho vay:

  + lãi suất trong hạn: 35%/ mức lãi sẽ được điều điều chỉnh 03 tháng/01 lần,vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, nay điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/02/2017 năm nay điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/04/2018, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn cuat Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 27%/năm;

  Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn;

  Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn;

Tài sản bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng nói trên gồm tài sản sau:

Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 51(1), tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Tổ 19, phường Y, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội(Nay là : Số 81 ngõ 192 TT, phường Y, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội) thuộc quyền sở hữu / sử dụng của Bà Nguyễn Thị Ng" Giấy chứng Quyền sử dụng đất ở số AI 366377, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:GCN: 01901.1841/QĐ-UB do UBND quận Hoàng Mai, Hà Nội cấp ngày 27/08/2007 đứng tên bà Nguyễn Thị Ng, xác nhận thế chấp tại V theo Hợp đồng thế chấp số Công chứng 2720/2015/HĐTC quyển số 03-2015 ký ngày 09/7/2015 tại VPCC Kinh Đô, Hà Nội.

- Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng V nên toàn bộ số dư còn lại của các khoản nợ đã bị chuyển nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, Tạm tính đến ngày đến từ ngày 16/10/2020 bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T còn nợ V số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc: 1.514.193.529 đồng, Nợ lãi : 945.898.266, thẻ tín dụng: 130.596.526 đồng.Tổng cộng: **2.761.124.541 đồng** ***(Hai tỷ, bảy trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm hai mươi tư nghìn, năm trăm bốn mươi mốt đồng).***

II /Nguyên đơn đề nghị:

1. Ngân hàng TMCP V (VP Banh) yêu cầu Bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 16/10/2020 bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí Toàn còn nợ V số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc: 1.514.193.529 đồng,Nợ lãi : 945.898.266, thẻ tín dụng: 130.596.526 đồng.Tổng cộng: **2.761.124.541 đồng** ***(Hai tỷ, bảy trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm hai mươi tư nghìn, năm trăm bốn mươi mốt đồng).***

3.Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày Bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V.

2.Trường hợp Bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T không thanh toán được toàn bộ khoản nợ như Ngân hàng V yêu cầu trên thì V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm của để thu hồi nợ cho V, gồm:

Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 51(1), tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Tổ 19, phường Y, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội(Nay là : Số 81 ngõ 192 TT, phường Y, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội) thuộc quyền sở hữu / sử dụng của Bà Nguyễn Thị Ng" Giấy chứng Quyền sử dụng đất ở số AI 366377, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:GCN: 01901.1841/QĐ-UB do UBND quận Hoàng Mai, Hà Nội cấp ngày 27/08/2007 đứng tên bà Nguyễn Thị Ng, xác nhận thế chấp tại V theo Hợp đồng thế chấp số Công chứng 2720/2015/HĐTC quyển số 03-2015 ký ngày 09/7/2015 tại VPCC Kinh Đô, Hà Nội.

3.Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cho đến ngày ông T, bà Ng thực tế thanh toán hết nợ cho V.

Ngoài ra, Ngân hàng V không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

* *Tại phiên tòa ngày hôm nay*, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Phú L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu ông T, bà Ng phải thanh toán tiền tính đến ngày 24/06/2022 số tiền là: **3.317.018.260 đồng**. Trong đó nợ gốc: 1.594.133.395 đồng, lãi trong hạn: 15.288.604 đồng, lãi quá hạn: 15.288.604 đồng, phạt chậm trả: 159.322.451 đồng (LD1733400395 ngày 30/11/2017, PDPD1801100012 ngày 10/01/2017)

**** Tại bản tự khai 20/4/2022 và các văn bản tố tụng có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa bị đơn là bà Nguyễn Thị Ng, là đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Trí T trình bày :***

Bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T thừa nhận có ký kết các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ , thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP V(V) cũng như quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng. Bà Ng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử cụ thể số tiền nợ gốc, nợ lãi , tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn như đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày.

Đối với số tiền nợ gốc ông T, bà Ng sẽ cố gắng thu xếp trả nợ Ngân hàng chậm nhất là quý 4/2022, đối với khoản nợ lãi do tình hình kinh tế khó khăn nên đề nghị về phía ngân hàng giảm lãi.

Để đảm bảo khoản vay trên bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T có ký hợp đồng thế chấp là Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 51(1), tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Tổ 19, phường Y, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội(Nay là : Số 81 ngõ 192 TT, phường Y, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội) thuộc quyền sở hữu / sử dụng của Bà Nguyễn Thị Ng" Giấy chứng Quyền sử dụng đất ở số AI 366377, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:GCN: 01901.1841/QĐ-UB do UBND quận Hoàng Mai, Hà Nội cấp ngày 27/08/2007 đứng tên bà Nguyễn Thị Ng,

Trường hợp bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T không thanh toán được toàn bộ khoản nợ như V yêu cầu trên thì ông bà đồng ý để V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm của để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền được quy định tại tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Tòa án đã thu thập chứng cứ đầy đủ theo quy định tại điều 195, điều 197 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tung theo quy định tại điều 177, điều 178,179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

- Thời hạn xét xử chưa đúng quy định của pháp luật nhưng do tình hình dịch bệnh Covit 19 nên không kiến nghị.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng trình tự xét xử quy định từ điều 217 đến điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự

- Nguyên đơn thực hiện đúng theo điều 70, điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Bị đơn thực hiện đúng theo điều 70, điều 72 Bộ luật dân sự năm 2015

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai nhận định về nội dung hợp đồng tín dụng, các hợp đồng thế chấp tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng V, buộc bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi như công ty Ngân hàng V yêu cầu.

Tại phiên tòa , đại diện Ngân hàng TMCP V rút yêu cầu đối với phạt chậm trả của các hợp đồng ký từ năm 2016 trở về trước, còn 02 hợp đồng 2017 vẫn tính phạt chậm trả theo quy định của pháp luật. Cụ thể phạt chậm tả của hai hợp đồng ngày 10/01/2017 và ngày 30/11/2017 là: 159.322.451 đồng.

Chấp nhận yêu cầu tuyên khi án có hiệu lực pháp luật bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T không thanh toán khoản tiền nợ nêu trên Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gốc, nợ lãi.

-Án phí : Do yêu cầu của Ngân hàng V được chấp nhận nên Ngân hàng V không phải nộp tiền án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án Ngân hàng V. bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về Tố tụng***:

1.1.***Về quan hệ pháp luật tranh chấp***:

Đây là vụ án yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V với bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T nên xác định

đây là vụ án tranh chấp tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. ***Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án***:

Bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T, cùng cư trú tại địa chỉ: Số 81 ngõ 192 TT, phường Y, Hoàng Mai, Hà Nội

Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

1.3. ***Về chủ thể khởi kiện*:** Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T không thanh toán được tiền vay cho Ngân hàng TMCP V sau khi đến hạn trả

[2] Về nội dung:

2.1. Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng TMCP V được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và được Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0100233583, đăng ký lần đầu ngày 08/9/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 31/3/2017; Ngân hàng TMCP V và Bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T xác lập quan hệ tín dụng thông qua các hợp đồng tín dụng như: Hợp đồng tín dụng số 3814688 ký ngày 10/07/2014, hợp đồng tín dụng số 4808212 ngày 09/10/2015, hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6685985 ngày 18/03/2016, hợp đồng tín dụng số 10132723 ngày 10/11/2016, hợp đồng tín dụng số CN/VN0010115/20171/11/23/29 ký ngày 23/11/2017**,** hợp đồng tín dụng số VPBS/VN0010324/20171/00391 ký ngày 30/12/2016, hợp đồng thẻ số 324-P-4381330 mở ngày 23/01/2016.

Về chủ thể tham gia ký kết các Hợp đồng tín dụng , hợp đồng tín dụng thẻ là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP V- chi nhánh Thăng Long và bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T. Xét các hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên tham gia, mục đích giao kết không vi phạm điều cấm của Pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức, nội dung phù hợp quy định của Pháp luật về hợp đồng vay tài sản nên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

[1]. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc của Ngân hàng TMCP V đối với bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T:

Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng như: Hợp đồng tín dụng số 3814688 ký ngày 10/07/2014, hợp đồng tín dụng số 4808212 ngày 09/10/2015, hợp đồng tín dụng số 10132723 ngày 10/11/2016, hợp đồng tín dụng số VPBS/VN0010324/20171/00391 ký ngày 30/12/2016, hợp đồng tín dụng số CN/VN0010115/20171/11/23/29 ký ngày 23/11/2017, hợp đồng thẻ số 324-P-4381330 mở ngày 28/01/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T nên Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Trí T số tiền 2.148.000.000 đồng, ông T, chị Ng đã ký nhận nợ số tiền trên.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng ông T, bà Ng đã trả được nợ gốc là 551,866.605 đồng, nợ lãi . Sau đó đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tại tòa hôm nay đại diện của Ngân hàng TMCP V xác nhận dư nợ gốc đến thời điểm xét xử ngày 24.6.2022 của ông T, bà Ng là còn nợ Ngân hàng V số tiền nợ gốc là: 1.514.193.529 đồng

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay ông T, bà Ng cũng đã thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 1.514.193.529 đồng

Vì vậy, căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 3814688 ký ngày 10/07/2014, hợp đồng tín dụng số 4808212 ngày 09/10/2015, hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6685985 ngày 18/03/2016, hợp đồng tín dụng số 10132723 ngày 10/11/2016, hợp đồng tín dụng số VPBS/VN0010324/20171/00391 ký ngày 30/12/2016, khoản vay theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay, mở và sử dụng thanh khoản, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử CN/VN0010115/20171/11/23/29 ký ngày 23/11/2017, hợp đồng thẻ số 324-P-4381330 mở ngày 28/01/2016 cũng như khế ước nhận nợ và lời khai của đại diện Ngân hàng TMCP V, có đủ căn cứ để xác nhận ông T, bà Ng còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là: 1.514.193.529 đồng. Việc Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà Ng phải thanh toán trả ngân hàng số tiền nợ gốc nói trên là có căn cứ chấp nhận và buộc ông T, bà Ng phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc nói trên.

[2].Xét về yêu cầu thanh toán tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc nêu trên của các hợp đồng tín dụng.

- Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ số 3814688 ký ngày 10/7/2015

(Vay số tiền 1.100.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay trong hạn: 7,99%/ năm, lãi xuất này cố định trong 06 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó thay đổi 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, nay điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/01/2016, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/04/2016, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4%/năm;Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn). Ngày chuyển nợ quá hạn: 05/04/2018 tính đến ngày 24/6/2022:

- Số tiền đã trả: Gốc: 293,344,000, lãi đã trả: 263,453,441. Tổng cộng: 556,797,441 đồng.

- Số tiền còn nợ: gốc: 806,656,000 đồng, lãi trong hạn: 7.624.765 đồng, lãi quá hạn: 528.702.493 đồng, lãi chậm trả: 128.124.050đồng

. Tổng cộng 1.463.483.308 đồng (có bảng kê tính lãi).

- Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ số 4808212 ngày 09/10/2015.

*(*Số tiền vay: 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng),*Thời hạn vay: 120 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 7,99%/năm, được cố đinh trong vòng 06 tháng, Sau đó mức lãi 03 tháng/01 lần,vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, nay điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 09/04/2016, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/07/2016, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4%/năm;Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn)

Ngày chuyển nợ quá hạn: 05/04/2018 tính đến ngày 24/6/2022:

- Số tiền đã trả: Gốc: 116.676.000 đ, lãi đã trả: 108.861.532đ. Tổng cộng: 224,537,532 đồng.

- Số tiền còn nợ: Gốc phải trả: 383.324.000 đồng, lãi trong hạn: 2.617.605 đ lãi quá hạn: 254.512.390 đ, lãi phạt chậm trả:62.025.585 Tổng cộng: 702.479.580 đồng.

- *Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6685985 ngày 18/03/2016:*

(Số tiền vay: 80.000.000 đồng *(Tám mươi triệu đồng)*,Thời hạn vay: 36 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 20%/năm, được cố đinh trong vòng 06 tháng, Sau đó mức lãi 03 tháng/01 lần,vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, nay điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/07/2016, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn tương ứng với kỳ hạn khoản vay của Bên vay mà V đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 12%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của Vbank xác định từng thời kỳ.Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn)

Ngày chuyển nợ quá hạn: 05/04/2018 tính đến ngày 24/6/2022:

- Số tiền đã trả: Gốc: 45.335.440 đ, lãi đã trả: 23,553,461đ. Tổng cộng: 68,888,901 đồng.

- Số tiền còn nợ: Gốc phải trả: 34.664.506 đồng, lãi trong hạn: 530.528 đ lãi quá hạn: 44.155.713 đ, lãi phạt chậm trả: 10.376.488 đ , Tổng cộng: 89.727.289 đ

- *Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 10132723 ngày 10/11/2016,*

(Số tiền vay: 80.000.000 đồng *(Tám mươi triệu đồng)*,Thời hạn vay: 48 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;Mục đích vay vốn: vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình,Lãi suất cho vay: lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 10,5%/năm, được cố đinh trong vòng 03 tháng, Sau đó mức lãi 03 tháng/01 lần,vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, nay điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/02/2017, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/04/2017 mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 6%/năm;Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn)

Ngày chuyển nợ quá hạn: 18/03/2018 tính đến ngày 24/6/2022:

- Số tiền đã trả: Gốc: 24.990.000 đ, lãi đã trả: 11,413,614đ. Tổng cộng: 3 6,403,614 đồng.

- Số tiền còn nợ: Gốc phải trả: 55.010.000 đồng, lãi trong hạn: 444.492đ, lãi quá hạn: 46.026.409đ, lãi phạt chậm trả:11.104.158đ, Tổng cộng:112.585.059đ

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 2 của bốn hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên và các văn bản để áp dụng việc tính lãi nêu trên do Ngân hàng TMCP V xuất trình, thấy việc Ngân hàng TMCP V tính lãi suất của số tiền gốc nêu trên theo đúng như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật về tính lãi suất. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010.Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V buộc ông T, bà Ng phải thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng V số tiền lãi.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP V rút yêu cầu không yêu cầu ông T, bà Ng thanh toán tiền lãi phạt chậm thanh toán.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay, mở và sử dụng thanh khoản, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử CN/VN0010115/20171/11/23/29 ký ngày 23/11/2017.

*(*Số tiền vay: 156.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi sáu triệu đồng)*,Thời hạn vay: 48 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;Mục đích vay vốn: vay tiêu dùng ,Lãi suất cho vay:+ lãi suất trong hạn: 35%/ mức lãi sẽ được điều điều chỉnh 03 tháng/01 lần,vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, nay điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/02/2017 năm nay điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/04/2018, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 27%/năm;+Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn)

Ngày chuyển nợ quá hạn: 15/03/2018 tính đến ngày 24/6/2022:

- Số tiền đã trả: Gốc: 6.752.125 đ, lãi đã trả: 11,484,774đ. Tổng cộng: 18,236,889 đồng.

- Số tiền còn nợ: Gốc phải trả: 149.247.875 đồng, lãi trong hạn: 4.071.214đ

lãi quá hạn: 338.244.704đ, phạt lãi chậm trả: 77.671.426đ . Tổng cộng: 569.235.219đ.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 1 Mục B của giấy đăng ký kiêm hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên và các văn bản để áp dụng việc tính lãi nêu trên do Ngân hàng TMCP V xuất trình, thấy việc Ngân hàng TMCP V tính lãi suất của số tiền gốc nêu trên theo đúng như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật về tính lãi suất. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010.Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V buộc ông T, bà Ng phải thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng V số tiền lãi.

-Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử VPBS/VN0010324/20171/00391 ký ngày 30/12/2016

(Số tiền vay: 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*,Thời hạn vay : 12 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, Mục đích vay vốn: vay mua săm đồ gia dụng, Lãi suất cho vay:+ lãi suất trong hạn: 35%/ năm, +Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn)

Ngày chuyển nợ quá hạn: 11/01/2018 tính đến ngày 24/6/2022;

- Số tiền đã trả: Gốc: 6.759.001 đ, lãi đã trả: 15,135,034đ. Tổng cộng: 21,894,035 đồng.

- Số tiền còn nợ: Gốc phải trả: 149.247.875 đồng, lãi trong hạn: 4.071.214đ lãi quá hạn:338.244.704, lãi chậm trả: 77.671.426đ . Tổng cộng:569.235.219đ.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 2 Mục Đề xuất của đơn vị cho vay của giấy đăng ký kiêm hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên và các văn bản để áp dụng việc tính lãi nêu trên do Ngân hàng TMCP V xuất trình, thấy việc Ngân hàng TMCP V tính lãi suất của số tiền gốc nêu trên theo đúng như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật về tính lãi suất. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010.Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V buộc ông T, bà Ng phải thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng V số tiền lãi.

-Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 324-P-4381330 mở ngày 23/01/2016.

(Số tiền vay: 80.000.000 đồng *(Tám mươi triệu đồng)*, Loại thẻ: V Mastercard Platium, Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn)

Gốc đã trả: 10.039 đ

Gốc phải trả: 79,989,954 đồng, lãi trong hạn : 0 , lãi quá hạn 146.818.855đ .Tổng cộng: 226.808.816đ.

Hội đồng xét xử căn cứ vào mục 3 cho vay các lại thẻ tín dụng được quy định tại quyết định v/v lãi suất cho vay áp dụng cho khách hàng cá nhân .Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V buộc ông T, bà Ng phải thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng V số tiền lãi.

Buộc ông Nguyễn Trí T và bà Nguyễn Thị Ng phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24.6.2022: nợ gốc là:1.594.133.395 đồng, lãi trong hạn là: 15.288.604 đồng, lãi quá hạn:1.549.274.810 đồng. phạt chậm trả: 159.322.451đồng (LD1733400395 ngày 30/11/2017, PDPD1801100012 ngày 10/01/2017).Tổng là **3.317.018.260đồng(** Ba tỉ, ba trăm mười bảy triệu, không trăm mười tám nghìn, hai trăm sáu mươi đồng)

[3].Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông T, bà Ng không thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP V nợ gốc và nợ lãi thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thi hành án Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với đất số công chứng: 2720/2015 ký ngày 09/7/2015 tại Văn phòng Công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội, văn bản thỏa thuận ngày 09/7/2015 giữa bên Ngân hàng TMCP V và ông T, bà Ng. Theo Hợp đồng thế chấp , văn bản thỏa thuận nói trên ông T, bà Ng đã thế chấp tài sản của mình là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 51(1), tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Tổ 19, phường Y, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội(Nay là : Số 81 ngõ 192 TT, phường Y, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà

Nội) thuộc quyền sở hữu / sử dụng của Bà Nguyễn Thị Ng" Giấy chứng Quyền sử dụng đất ở số AI 366377, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:GCN: 01901.1841/QĐ-UB do UBND quận Hoàng Mai, Hà Nội cấp ngày 27/08/2007 đứng tên bà Nguyễn Thị Ng, xác nhận thế chấp tại V theo Hợp đồng thế chấp số Công chứng 2720/2015/HĐTC quyển số 03-2015 ký ngày 09/7/2015 tại VPCC Kinh Đô, Hà Nội, để bảo đảm cho khoản vay của ông T, bà Ng theo Hợp đồng tín dụng nói trên. Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên được các bên ký kết tại Văn phòng Công chứng Kinh Đô và được công chứng viên xác nhận các bên ký kết Hợp đồng thế chấp trong tình trạng tỉnh táo, hoàn toàn minh mẫn không bị ai ép buộc hay lừa rối, việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và đã được ông T, chị Ng đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản thế chấp ngày 09/7/2015 và đã được Văn phòng đăng ký đất và nhà quận Hoàng Mai chứng nhận việc thế chấp ngày 10/7/2015. Như vậy có đủ căn cứ để xác nhận hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lí.Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng TMCP V đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật mà ông T, bà Ng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng nêu trên thì ông T, bà Ng có nghĩa vụ phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP V phần nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ.

[4]. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP V rút yêu cầu đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi phạt do chậm thanh toán.

[5].Về án phí: Do Ngân hàng TMCP V được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bị đơn ông T, bà Ng phải chịu toàn bộ án phí án phí dân sự sơ thẩm .

[6].Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2010).

Căn cứ Điều 281; Điều 350; Điều 355; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ vào mục 3 phần I thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp và Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử thi hành án về tài sản.

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm".

Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với ông Nguyễn Trí T và bà Nguyễn Thị Ng về việc yêu cầu thanh toán khoản tiền phạt chậm trả lãi của các hợp đồng ký từ năm 2016 trở về trước tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với ông Nguyễn Trí T và bà Nguyễn Thị Ng:

Buộc ông Nguyễn Trí T và bà Nguyễn Thị Ng phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24.6.2022: nợ gốc là:1.594.133.395 đồng, lãi trong hạn là: 15.288.604 đồng, lãi quá hạn:1.549.274.810 đồng. phạt chậm trả: 159.322.451đồng (LD1733400395 ngày 30/11/2017, PDPD1801100012 ngày 10/01/2017).Tổng là **3.318.019.260đồng (** Ba tỉ, ba trăm mười tám triệu, không trăm mười chín nghìn, hai trăm sáu mươi đồng)

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Trí T và bà Nguyễn Thị Ng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên đối với Ngân hàng TMCP V, Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ:

* Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 51(1), tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Tổ 19, phường Y, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội(Nay là : Số 81 ngõ 192 TT, phường Y, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội) thuộc quyền sở hữu / sử dụng của Bà Nguyễn Thị Ng" Giấy chứng Quyền sử dụng đất ở số AI 366377, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:GCN: 01901.1841/QĐ-UB do UBND quận Hoàng Mai, Hà Nội cấp ngày 27/08/2007 đứng tên bà Nguyễn Thị Ng.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng nêu trên thì ông Nguyễn Trí T và bà Nguyễn Thị Ng phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP V phần nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Trí T và bà Nguyễn Thị Ng phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc. Trường hợp hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Về án phí: ông Nguyễn Trí T và bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 98.340.365 đồng (chín mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, ba trăm sáu mươi năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm(chưa nộp)

Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 43.000.000 đồng mà Ngân hàng TMCP V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00049546 ngày 08.11.2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP V, ông Nguyễn Trí T và bà Nguyễn Thị Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND Q.Hoàng Mai;*
- *TAND phố Hà Nội;*
- *Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Mạnh Thành